TẠP CHÍ KHOA HỌC, Đại học Huế, Số 62, 2010

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA RỪNG TRỒNG THƯƠNG MẠI Ở HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phan Văn Hoà, Nguyễn Đức Quân, Nguyễn Thanh Hùng
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, trồng rừng thương mại đã trở thành phong trào ở nhiều địa phương của Thừa Thiên Huế và mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó có huyện Phú Lộc. Cây trồng chủ yếu là keo lai và keo tai tượng. Bình quân 1 ha rừng trồng keo lai trong giai đoạn 5 năm, tạo ra 20,6 triệu đồng lợi nhuận ròng; đối với keo tai tượng giá trị này tương ứng là 15,6 triệu đồng. Tuy nhiên, để rừng trồng thương mại ở huyện Phú Lộc đạt hiệu quả kinh tế cao, cần thực hiện các giải pháp cụ thể như quy hoạch rừng thương mại tập trung, lai tạo giống mới, đảm bảo kỹ thuật trồng và chăm sóc, đầu ra sản phẩm gỗ rừng...

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, cùng với đầu tư phát triển kinh tế trên nhiều lĩnh vực thì ngành lâm nghiệp, đặc biệt là trồng rừng thương mại đã và đang phát triển mạnh, không những thu hút các cơ sở trồng và kinh doanh rừng mà còn cả người dân địa phương. Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế là huyện có 2/3 diện tích là đồi núi, có nhiều tiềm năng lớn để phát triển lâm nghiệp. Phong trào trồng rừng thương mại của huyện đã phát triển mạnh mẽ, đặc biệt từ khi có các chương trình lồng ghép phủ xanh đất trống đồi trọc với xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội vùng gò đồi miền núi như chương trình 327, 661, 773 và gần đây là Dự án trồng rừng thương mại của Ngân hàng Thế giới (WB3). Diện tích rừng trồng thương mại của huyện đã tăng đáng kể, góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả đất đai và lao động, tăng khối lượng sản phẩm cho tiêu dùng và xuất khẩu, tạo việc làm và tăng thu nhập, cải thiện bộ mặt nông thôn.

Phát triển rừng trồng thương mại không những khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn đất đai nhằm phát triển kinh tế mà còn góp phần quan trọng trong việc cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái và ổn định xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, hiện nay rừng trồng ở Phú Lộc phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương, năng suất rừng trồng thấp, hiệu quả kinh tế từ trồng rừng thương mại chưa cao, làm sao để thu hút nhiều hơn nữa người dân và các cơ sở đầu tư trồng và kinh doanh rừng ở địa phương là vấn đề đặt ra nhưng chưa được giải quyết.

Xuất phát từ những vấn đề đó, tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: *"Hiệu quả kinh tế của rừng trồng thương mại ở huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế"*. Với mục đích

phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế rừng trồng thương mại ở Phú Lộc thời gian qua, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng thương mại, góp phần phát triển rừng trồng của địa phương, khai thác và sử dụng có hiệu quả đất đai, cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái nhằm phát triển bền vững địa phương.

Để đạt những mục đích trên, nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu, thống kê mô tả, phương pháp so sánh, hạch toán kinh tế và định lượng hiệu quả kinh tế rừng trồng thương mại thông qua hệ số GO/IC, VA/IC, NPV, BCR và IRR[1]. Số hộ trồng rừng thương mại được điều tra là 120 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có định hướng ở xã Lộc Bổn và xã Lộc Hoà. Mỗi xã chọn điều tra 60 hộ. Toàn bộ dữ liệu được xử lý bỡi phần mềm thống kê SPSS phiên bản 17.0.

2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả điều tra cho thấy, năm 2009, diện tích rừng trồng thương mại bình quân mỗi hộ là 4,25 ha, với số lao động bình quân/hộ là 3,12. Lực lượng lao động gia đình như vậy là không lớn nhưng đảm bảo để hộ có thể tổ chức sản xuất và quản lý diện tích rừng trồng của gia đình. Qua điều tra cho thấy, phần lớn rừng trồng ở các xã điều tra của huyện Phú Lộc trồng hai loại cây chính là keo tai tượng và keo lai. Nguyên nhân chính là do nhu cầu thị trường về gỗ nguyên liệu cho các nhà máy chủ yếu chế biến gỗ dăm để làm giấy, đồng thời cây keo có thời gian sinh trưởng ngắn, dễ chăm sóc, phù hợp với điều kiện đất đai và khí hậu ở đây, đặc biệt là keo tai tượng là loại rễ cọc, thân chắc khỏe, ít bị đổ gãy khi có gió bão.

Kết quả phân tích số liệu điều tra cho thấy: Kết quả và hiệu quả kinh tế trồng rừng keo lai và keo tai tượng của các hộ ở Phú Lộc được thể hiện ở bảng 1. Tỷ lệ chiết khấu được tính theo lãi suất cho vay ưu đãi đối với trồng rừng thương mại ở Phú Lộc là 6,5%/năm. Theo bảng số liệu, bình quân 1 ha trồng rừng trong 5 năm hộ phải đầu tư một khoản chi phí trung gian hơn 5,5 triệu đồng đối với keo lai và hơn 3,9 triệu đồng đối với keo tai tượng. Sau khi trừ chi phí trung gian, bình quân 1 ha rừng trồng, hộ tạo ra một lượng giá trị gia tăng là 22,08 triệu đồng đối với keo lai và 16,99 triệu đồng đối với keo tai tượng. Bình quân hộ bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian/1 ha để trồng keo lai, sau 5 năm sẽ thu được 4,99 đồng giá trị sản xuất và 3,99 đồng giá trị gia tăng (bảng 1). Tương tự, kết quả tính toán cũng cho thấy, đối với keo tai tượng các giá trị tương ứng là 5,27 đồng và 4,27 đồng. Như vậy, xét về mặt hiệu quả kinh tế theo giá trị sản xuất và giá trị gia tăng thì trồng keo tai tượng cho hiệu quả cao hơn trồng keo lai. Nguyên nhân chính là do hộ trồng keo lai hai năm đầu đầu tư nhiều chi phí vật chất, đặc biệt là giống và phân bón, trong khi đó công lao động chủ yếu của gia đình nên hiệu suất giá trị sản xuất và giá trị gia tăng theo chi phí trung gian thấp hơn các hiệu suất đó của keo tai tượng.

---

[1] GO: Giá trị sản xuất; IC: Chi phí trung gian; VA: Giá trị gia tăng; NPV: Giá trị hiện tại ròng; BCR: Tỷ suất thu nhập/chi phí; IRR: Tỷ suất thu hồi nội bộ.

Bảng 1. *Kết quả và hiệu quả kinh tế trồng rừng keo lai và keo tai tượng của các hộ điều tra ở huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế*

(Tính bình quân 1 ha rừng trồng) *Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		Năm 5		Tổng cộng	
	Tỷ lệ chiết khấu (r=6,5%)	**1,000**		**0,935**		**0,870**		**0,805**		**0,740**		**-**	
		Keo lai	**Keo tai tượng**	**Keo lai**	**Keo tai tượng**	**Keo lai**	**Keo tai tượng**	**Keo lai**	**Keo tai tượng**	**Keo lai**	**Keo tai tượng**	**Keo lai**	**Keo tai tượng**
1	**IC**	**3.358,8**	**2.856,7**	**2.180,0**	**1.125,0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.538,8**	**3.981,7**
1.1	Giống	899,3	636,5	0	0	0	0	0	0	0	0	899,3	636,5
1.2	Phân bón	2.194,5	2.010,2	2.000,0	1.005,0	0	0	0	0	0	0	4.194,5	3.015,2
1.3	Chi khác	265,0	210,0	180,0	120,0	0	0	0	0	0	0	445,0	330,0
2	**Lao động gia đình**	**2.203,0**	**2.233,0**	**520,0**	**500,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**3.773,0**	**3.783,0**
2.1	Trồng, chăm sóc…	2.153,0	2.183,0	470,0	450,0	300,0	300,0	300,0	300,0	300,0	300,0	3.523,0	3.533,0
2.2	Bảo vệ rừng	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	250,0	250,0
I	**Tổng chi phí**	**5.561,8**	**5.089,7**	**2.700,0**	**1.625,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**350,0**	**9.311,8**	**7.764,7**
-	CPV[2]	5.561,8	5.089,7	2.524,5	1.519,4	304,5	304,5	281,8	281,8	259,0	259,0	8.931,6	7.454,3
II	**GO**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**27.625,0**	**20.975,0**	**27.625,0**	**20.975,0**
-	BPV[2]	0	0	0	0	0	0	0	0	20.643,0	15.673,7	20.643,0	15.673,7
III	**VA**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**22.086,2**	**16.993,3**
IV	**Chỉ tiêu hiệu quả**												
4.1	GO/IC (lần)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,99	5,27
4.2	VA/IC (lần)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,99	4,27
4.3	NPV (1000 đồng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.643,0	15.673,7
4.4	BCR (lần)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,3	2,1
4.5	IRR (%)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	36,46	32,64

Nguồn: Số liệu điều tra hộ năm 2009.

[2] CPV: Giá trị hiện tại của chi phí; BPV: Giá trị hiện tại của thu nhập.

Tuy nhiên, xét các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế theo lợi nhuận ròng, tỷ suất thu nhập và chi phí thì ngược lại. Đối với keo lai, giá trị NPV và BCR cao hơn nhiều so với các giá trị này của keo tai tượng. Bình quân 1 ha keo lai lợi nhuận ròng hộ thu được sau 5 năm đầu tư là 20,6 triệu đồng, cao hơn nhiều so với đầu tư 1 ha keo tai tượng chỉ đạt 15,6 triệu đồng. Nếu xét tỷ suất thu nhập và chi phí BCR ta thấy, hệ số này của keo lai là 2,3 và của keo tai tượng là 2,1. Điều này nói lên rằng, hộ bỏ ra 1 triệu đồng để trồng rừng keo lai hoặc keo tai tượng, sau 5 năm sẽ thu được 2,3 triệu đồng hoặc 2,1 triệu đồng tương ứng. Đây là mức thu nhập cao so với nhiều ngành sản xuất trong nông nghiệp hiện nay, đặc biệt ở những địa phương miền núi như Phú Lộc. Đây là cơ hội lớn để người dân nơi đây đầu tư trồng rừng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là đất đai và lao động. Mặc dù vậy, qua nghiên cứu cho thấy, kết quả và hiệu quả kinh tế trồng rừng thương mại ở Phú Lộc như vậy là chưa cao, bởi một số lý do sau:

- Trước đây, nguyên liệu gỗ rừng trồng chủ yếu đáp ứng cho nhà máy chế biến gỗ dăm để làm giấy. Trong những năm qua, thị trường giấy trong và ngoài nước biến động mạnh và không ổn định, lượng giấy tồn kho của nhiều nhà máy trong nước cao. Chính vì thế, giá nguyên liệu gỗ dăm giảm dẫn đến giá gỗ rừng trồng đầu ra của hộ giảm. Bên cạnh đó, nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, suy thoái; nền kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn, lạm phát cao, nên giá cả đầu ra gỗ rừng trồng giảm mạnh gây thiệt hại đến người trồng rừng, dẫn đến hiệu quả trồng rừng chưa cao.

- Những năm gần đây, nguyên liệu gỗ rừng tự nhiên khan hiếm, nhiều cơ sở chế biến gỗ trước đây chuyển sang sử dụng gỗ rừng trồng thay thế để làm ván nhân tạo, gỗ trụ mỏ, gia dụng, xây dựng… nhưng phần lớn rừng trồng hiện nay ở Phú Lộc là rừng keo lai và keo tai tượng, chưa thể đáp ứng được yêu cầu trên nên giá thấp, hiệu quả trồng rừng chưa cao.

- Hiện nay, phần lớn giống keo lai và keo tai tượng hộ đang trồng là những giống đã qua nhiều năm sử dụng, chủ yếu các hộ tự sản xuất và tự cung cấp, nên năng suất thấp, chất lượng gỗ không cao. Vì thế, hiệu quả kinh tế trồng rừng cũng chưa cao.

- Vấn đề kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng cũng chưa được các hộ trồng rừng chú trọng. Phần lớn kỹ thuật đơn giản, truyền thống và hoàn toàn dựa vào tự nhiên là chính, vì thế năng suất thấp, chất lượng không cao, hiệu quả thấp.

- Về mặt kỹ thuật, thời gian sinh trưởng phát triển để khai thác loại keo lai và keo tai tượng tốt nhất là 7 năm. Đây là thời gian cây cho năng suất, chất lượng cao nhất, gỗ cũng đảm bảo yêu cầu tốt nhất để làm giấy cũng như gỗ dân dụng và các loại khác. Trong thực tế, do nhiều nguyên nhân khác nhau như hộ cần vốn sớm, thời gian trồng và khai thác rừng hiện tại ở Phú Lộc khoảng 5 năm nên đã làm cho năng suất chất lượng gỗ không cao và vì thế giá cả đầu ra thấp, hiệu quả trồng rừng của các hộ ở đây không cao…

Rừng trồng ngoài hiệu quả kinh tế còn góp phần cải thiện môi trường sinh thái,

chống xói mòn, rửa trôi đất, hạn chế thiên tai hạn hán, lũ lụt… Ngoài ra, rừng trồng còn mang lại hiệu quả xã hội rất lớn cho địa phương như tạo công ăn việc làm, giải quyết phần lớn lao động nhàn rỗi của địa phương, nâng cao thu nhập, xoá đói giảm nghèo góp phần cải thiện đời sống nhân dân, cải thiện bộ mặt nông thôn, đặc biệt vùng gò đồi miền núi như ở Phú Lộc.

Phát triển rừng trồng rừng thương mại góp phần tăng khối lượng sản phẩm rừng, phát triển các ngành nghề nông thôn, trước hết là các ngành nghề gỗ dân dụng, các cơ sở chế biến lâm sản, mở ra nhiều cơ hội công ăn việc làm cho người lao động trong và ngoài địa phương…

3. Kết luận và kiến nghị

Kết quả phân tích cho thấy, rừng trồng thương mại ở huyện Phú Lộc mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bình quân 1 ha, hộ bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian để trồng rừng sau 5 năm sẽ thu được 3,99 đồng giá trị gia tăng đối với keo lai và 4,27 đồng giá trị gia tăng đối với keo tai tượng. Lợi nhuận ròng là 20,6 triệu đồng/ha keo lai và 15,6 triệu đồng/ keo tai tượng.

Ngoài hiệu quả kinh tế, trồng rừng thương mại còn mang lại hiệu quả xã hội và môi trường cao, sử dụng hợp lý đất đai, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy nhiên, để rừng trồng thương mại ở huyện Phú Lộc đạt hiệu quả kinh tế cao hơn nữa, cần thực hiện các giải pháp như quy hoạch rừng thương mại tập trung, lai tạo giống mới, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng, đầu ra sản phẩm gỗ đáp ứng nhu cầu xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. *Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010*, Hà Nội, 2001.

[2]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. *Chủ rừng và lợi ích của chủ rừng trong kinh doanh trồng rừng.*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

[3]. Đỗ Đình Sâm, Lê Quang Trung. *Đánh giá hiệu quả trồng rừng công nghiệp ở Việt Nam*, 2003.

[4]. Đỗ Đình Sâm, Phạm Văn Tuấn. *Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng rừng công nghiệp năng suất cao*, 2001.

[5]. Henk Lette và Hennelen de Boo. *Đánh giá kinh tế rừng và thiên nhiên: công cụ hỗ trợ để ra quyết định hiệu quả*, 2005.

[6]. Lê Đình Khả. *Một số giống cây rừng có triển vọng cho trồng rừng sản xuất vùng Bắc trung Bộ*, 2004.

[7]. Ashadi, Nina mindawati. *The incentives development on forrest plantation in Indonesia*, APFC, FAO and FSIV, Hanoi, 2004.

ECONOMIC EFFECTIVENES OF COMMERCIAL AFFORESTATION IN PHU LOC DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Phan Van Hoa, Nguyen Duc Quan, Nguyen Thanh Hung
College of Economics, Hue University

SUMMARY

In recent years, commercial afforestation movement has become popular in many localities of Thua Thien Hue. Commercial forest plantations to bring about effective economic, social and environmental. For Phu Loc district, commercial plantations thrive in recent years. Crops mainly Acacia mangium and hybrid Acacia. On average, 1 ha of hybrid acacia plantation in the 5 year period, households generated 20,6 million net profit; for Acacia mangium corresponding value is 15,6 million. However, for commercial forest plantations in Phu Loc district with high economic efficiency, to implement specific measures such as forest planning, commercial focus, breeding new varieties, ensuring the planting and care techniques, Output timber forest products ...